

Số: 4 8 4 3BCT-ĐB

V/v kết quả triển khai Đề án xây dựng bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA Index) tại các địa phương năm 2025

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ



FTA Index là Bộ chỉ số đầu tiên tại Việt Nam đánh giá kết quả thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA) tại các địa phương từ góc độ doanh nghiệp. Khác với các chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh hoặc cải cách hành chính, FTA Index tập trung đo lường chất lượng thực thi các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế và mức độ hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các FTA của chính quyền địa phương.

Tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025, Chính phủ đã giao Bộ Công Thương trình Đề án xây dựng Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện các FTA (FTA Index) hàng năm của các địa phương. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, ngày 28/6/2022, tại công văn số 3660/BCT-ĐB, Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ Đề án xây dựng bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện các FTA (FTA Index) hàng năm của các địa phương. Ngày 31/8/2022, tại công văn số 5678/VPCP-QHQT của Văn phòng Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ đã đồng ý phê duyệt Đề án xây dựng FTA Index, đồng thời giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Đề án hàng năm.

Năm 2024 là năm đầu tiên FTA Index được triển khai trên phạm vi cả nước. Kết quả khảo sát đã góp phần nhận diện những điểm mạnh và hạn chế trong công tác thực thi FTA tại các địa phương, đặc biệt trong các lĩnh vực tuyên truyền, phổ biến thông tin về FTA; xây dựng và thực thi pháp luật; hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp; và thực hiện các cam kết về phát triển bền vững. Tiếp nối kết quả đạt được trong năm 2024, Bộ Công Thương tiếp tục triển khai FTA Index năm 2025 theo đúng Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy định hiện hành về điều tra, thu thập, xử lý dữ liệu thông kê. Bộ Công Thương kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả FTA Index năm 2025 như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN FTA INDEX TRONG NĂM 2025

1. Quá trình triển khai

Căn cứ phê duyệt của Lãnh đạo Chính phủ tại công văn số 5678/VPCP-QHQT, và trên cơ sở tổng hợp ý kiến các Bộ, ngành, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2371/QĐ-BCT ngày 20/8/2025 về việc thành lập Tổ công tác liên Bộ để triển khai FTA Index gồm đại diện các Bộ, ngành có liên quan.

Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các thành viên Tổ công tác FTA Index và các đơn vị liên quan triển khai các thủ tục cần thiết theo đúng quy trình, thủ tục hiện hành và đã lựa chọn Trường Đại học Ngoại thương (FTU) là đơn vị thực hiện nhiệm vụ “*Tổ chức điều tra, tổng hợp, phân tích dữ liệu và xây dựng bộ chỉ số đánh giá kết quả thực các Hiệp định thương mại tự do (FTA Index) tại các địa phương*”. Trên cơ sở đó, FTU đã xây dựng Bộ câu hỏi khảo sát và phương pháp điều tra, tổng hợp, phân tích dữ liệu và xây dựng FTA Index, và Bộ Công Thương đã có công văn số 4164/BCT-ĐB ngày 09/6/2025 lấy ý kiến các địa phương và công văn số 4163/BCT-ĐB ngày 09/6/2025 lấy ý kiến các Bộ ngành là Thành viên Tổ công tác FTA Index.

Sau khi tổng hợp ý kiến đã nhận được, Bộ Công Thương đã tổ chức họp Tổ công tác vào ngày 04/11/2025 để thông qua Phương án tổ chức điều tra, tổng hợp, phân tích dữ liệu và xây dựng FTA Index. Với 100% ý kiến nhất trí của các đại diện tham dự, Bộ Công Thương đã có công văn số 8863/BCT-ĐB ngày 11/11/2025 gửi các địa phương lấy ý kiến về dự thảo Quyết định phê duyệt phương án tổ chức điều tra, tổng hợp, phân tích dữ liệu và xây dựng Bộ tiêu chí dữ liệu và xây dựng FTA Index tại các địa phương.

Sau khi đã tổng hợp ý kiến, Bộ Công Thương đã có công văn số 8980/BCT-ĐB ngày 14/11/2025 gửi Bộ Tài chính (Cục Thống kê) đề nghị thẩm định Phương án tổ chức điều tra, tổng hợp, phân tích dữ liệu và xây dựng FTA Index. Ngày 28/11/2025, Bộ Tài chính (Cục Thống kê) đã gửi công văn số 2666/CTK-CSCL cơ bản nhất trí với sự cần thiết thực hiện phương án điều tra và đưa ra một số ý kiến cụ thể. Sau đó, Bộ Công Thương đã có công văn số 9488/BCT-ĐB ngày 29/12/2025 gửi Bộ Tài chính (Cục Thống kê) tiếp thu ý kiến. Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến của Bộ Tài chính (Cục Thống kê), ngày 29/11/2025, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 3504/QĐ-BCT phê duyệt Phương án tổ chức điều tra, tổng hợp, phân tích và xây dựng Bộ chỉ số FTA Index năm 2025. Căn cứ trên Quyết định này, FTU đã triển khai điều tra, tổng hợp, phân tích dữ liệu và xây dựng FTA Index 2025. Sau khi hoàn thành, FTU đã có công văn số 1225/ĐHNT-QLKH ngày 29/12/2025 gửi Bộ Công Thương báo cáo đánh giá kết quả FTA Index 2025. Theo phương án tổ chức điều tra được phê duyệt, các chỉ số được tính toán trên cơ sở ý kiến/quan điểm của doanh nghiệp trả lời khảo sát, không dựa trên các số liệu định lượng về kết quả thực tế xuất, nhập khẩu cũng như số lượng các hoạt động tuyên truyền, quảng bá và hỗ trợ đã được thực hiện tại các địa phương.

Căn cứ trên kết quả của FTU, Bộ Công Thương đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả triển khai Đề án xây dựng FTA Index năm 2025 và có công văn số 3274/BCT-ĐB ngày 11/05/2026 để xin ý kiến các Bộ, ngành có liên quan. Cho đến nay, trên cơ sở tổng hợp và tiếp thu ý kiến góp ý của 10/12 Bộ, ngành, Bộ Công Thương đã chỉnh sửa, hoàn thiện Đề án xây dựng FTA Index năm 2025 (Bảng tổng hợp ý kiến xin trình kèm theo công văn này).

2. Đối tượng khảo sát

Về kết quả thu thập dữ liệu điều tra doanh nghiệp, tính đến ngày 31/12/2025, khảo sát FTA thực hiện với 4.066 doanh nghiệp tới từ 34 tỉnh, thành phố trên cả

nước. Doanh nghiệp thuộc đối tượng điều tra phải đảm bảo các điều kiện sau: Có trụ sở đăng ký sản xuất kinh doanh được xác định trên lãnh thổ Việt Nam; có hoạt động xuất khẩu hàng hóa và/hoặc nhập khẩu hàng hoá trong hai năm liên tiếp là 2023 và 2024. Điều tra thực hiện trên phạm vi cả nước đối với các doanh nghiệp được chọn mẫu điều tra và đảm bảo các tiêu chí chọn mẫu về loại hình doanh nghiệp, ngành sản xuất kinh doanh chính và quy mô doanh nghiệp dựa trên kim ngạch xuất nhập khẩu thuộc một số ngành kinh tế trực tiếp liên quan đến tận dụng các FTA theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC 2018), bao gồm các ngành: Ngành A. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Ngành B. Khai khoáng; Ngành C. Công nghiệp chế biến, chế tạo; Ngành G. Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.

Kết quả thu thập dữ liệu doanh nghiệp tại các địa phương là có 34 tỉnh, thành phố đáp ứng yêu cầu xếp hạng gồm 5 tỉnh, thành phố có dưới 100 doanh nghiệp được điều tra tổng thể (Cao Bằng, Tuyên Quang, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La) và 29 tỉnh, thành phố còn lại có số lượng doanh nghiệp từ 100 doanh nghiệp trở lên được điều tra chọn mẫu.

- Theo loại hình pháp lý, nhóm doanh nghiệp nhà nước là loại hình doanh nghiệp tham gia khảo sát chiếm tỷ lệ thấp nhất (3%), nhóm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia khảo sát chiếm tỷ lệ 32%, các doanh nghiệp ngoài nhà nước bao gồm các hình thức TNHH, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân,... loại hình này chiếm tỷ lệ lớn nhất khi tham gia khảo sát với 65%.

- Theo sản phẩm sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp tham gia khảo sát có mặt hàng Nông sản (cà phê, gạo, hạt điều, hạt tiêu, rau quả,...) là sản phẩm sản xuất kinh doanh chính chiếm tỷ lệ 17,6%, tiếp đến là các doanh nghiệp có sản xuất kinh doanh các sản phẩm Dệt may với 16,4%. Các doanh nghiệp có sản phẩm sản xuất kinh doanh là Thủy sản, Gỗ và sản phẩm gỗ, Điện tử tham gia khảo sát lần lượt là 25,64%, 22% và 21,39%.

Ở nhóm ngành nông sản và một số nhóm hàng truyền thống, khu vực doanh nghiệp trong nước chiếm ưu thế: doanh nghiệp nhà nước (25,8%) và doanh nghiệp ngoài nhà nước (25,1%) vượt trội so với FDI (4,5%); tương tự, thủy sản chủ yếu thuộc khu vực trong nước (9,7% và 12,7% so với 1,8%). Ngược lại, khu vực FDI tập trung mạnh ở các ngành chế biến - chế tạo định hướng xuất khẩu, nổi bật là dệt may (27,2%) và điện tử (12,5%), da giày (5,5%).

- Theo quy mô kim ngạch xuất nhập khẩu, nhóm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) có kim ngạch từ 1.000.000 USD chiếm tỷ trọng cao nhất với 64,4% trong khi nhóm dưới 100.000 USD chiếm tỷ trọng chỉ 8,7%. Trong khi đó, đối với nhóm khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước, nhóm có kim ngạch từ 100.000 USD - dưới 1.000.000 USD và nhóm từ 1.000.000 USD trở lên có tỷ trọng xấp xỉ nhau (38,6% và 39,3%). Đối với nhóm doanh nghiệp nhà nước, nhóm có kim ngạch từ 1.000.000 USD trở lên có tỷ trọng tương đối cao (trên 40%) trong khi nhóm có kim ngạch dưới 1.000.000 USD có tỷ trọng (dưới 60%).

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ FTA INDEX 2025 SO VỚI FTA INDEX 2024

1. Kết quả chung

Kết quả FTA Index năm 2025 cho thấy chất lượng thực thi các Hiệp định thương mại tự do (FTA) tại các địa phương tiếp tục được cải thiện, đồng thời tạo động lực thúc đẩy các địa phương quan tâm hơn đến công tác hội nhập kinh tế quốc tế và hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA. Theo kết quả xếp hạng năm 2025 (xem Biểu đồ 5, Phụ lục 1) nhóm **"Tốt"** gồm **05** địa phương là Lai Châu, Cà Mau, Vĩnh Long, Thanh Hóa và Tuyên Quang. Bên cạnh đó, có **13** địa phương là Hưng Yên, Tây Ninh, Khánh Hòa, Đồng Tháp, An Giang, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Thành phố Cần Thơ, Đắk Lắk, Thành phố Hà Nội, Nghệ An, Thái Nguyên đạt nhóm **"Khá"**, **10** địa phương là Lạng Sơn, Thành phố Huế, Quảng Ngãi, Cao Bằng, Quảng Ninh, Lào Cai, Hà Tĩnh, Gia Lai, Điện Biên, Lâm Đồng đạt nhóm **"Trung bình khá"** và **05** địa phương là Sơn La, Ninh Bình, Quảng Trị, Phú Thọ, Bắc Ninh thuộc nhóm **"Trung bình"**. Đáng chú ý, không có địa phương nào thuộc nhóm **"Yếu"**.

So với năm 2024, mặc dù số lượng địa phương được đánh giá giảm từ 63 xuống còn 34 tỉnh, thành phố sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính nhưng kết quả FTA Index 2025 cho thấy mặt bằng thực thi FTA đã được cải thiện. Năm 2025 không còn địa phương nào thuộc nhóm **"Yếu"**, trong khi năm 2024 vẫn ghi nhận 10 địa phương thuộc nhóm **"Tương đối thấp"** và 01 địa phương thuộc nhóm **"Thấp"**. Đồng thời, đã hình thành nhóm địa phương dẫn đầu với 01 địa phương đạt mức **"Rất tốt"** và 05 địa phương đạt mức **"Tốt"**, phản ánh sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các địa phương đối với công tác thực thi FTA. Tuy nhiên, mức độ phân hóa giữa các địa phương vẫn còn khá rõ. Độ lệch chuẩn điểm số FTA Index năm 2025 đạt 5,6 điểm, cao hơn mức 5,07 điểm của năm 2024, cho thấy trong khi một số địa phương đã có sự bứt phá mạnh mẽ thì vẫn còn những địa phương chưa theo kịp về chất lượng hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA.

2. Về tuyên truyền, phổ biến

So với năm 2024, công tác tuyên truyền, phổ biến về FTA tiếp tục được cải thiện rõ rệt. Tỷ lệ doanh nghiệp không biết về các FTA thế hệ mới hiện chỉ còn dưới 10%, trong khi năm 2024 tỷ lệ doanh nghiệp không biết về CPTPP, EVFTA và UKVFTA lần lượt là 11,3%, 13,6% và 23,4%.

Các kênh tuyên truyền tiếp tục được đa dạng hóa. Báo chí - truyền hình đạt 69,74%, tăng 5,2% so với năm 2024; website đạt 56,54%, tăng 5,4%; hội nghị, hội thảo đạt 52,06%, tăng 8,1%; chương trình đào tạo, tập huấn đạt 37,09%, tăng 5,6%. Mạng xã hội đạt 58,35%, cho thấy xu hướng sử dụng nền tảng số trong phổ biến thông tin FTA ngày càng rõ nét.

Về xếp hạng chỉ số thành phần tuyên truyền, phổ biến (xem Biểu đồ 1, Phụ lục 1), **Hải Phòng là địa phương đạt điểm cao nhất với 9,85 điểm**. Nhóm địa phương dẫn đầu tiếp theo gồm Tuyên Quang, Thanh Hóa, Thái Nguyên, Cà Mau

và Điện Biên. Ngoài nhóm dẫn đầu, Nghệ An và Vĩnh Long cũng đạt điểm từ 6 trở lên. Địa phương có điểm thấp nhất ở chỉ số này là Quảng Trị với 2,37 điểm.

2. Về thực hiện quy định pháp luật để thực thi FTA

FTA Index 2025 cho thấy chất lượng hướng dẫn, phổ biến và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến FTA đã có sự cải thiện so với năm 2024.

Tỷ lệ doanh nghiệp được hướng dẫn thường xuyên hoặc rất thường xuyên về quy tắc xuất xứ đạt 38,9%, tăng 15,9 điểm phần trăm so với năm 2024. Đối với biểu thuế ưu đãi, tỷ lệ này đạt 35,9%, tăng 16 điểm phần trăm. Đây là hai nội dung có mức cải thiện mạnh nhất, phản ánh sự quan tâm của địa phương đối với những vấn đề thiết thực nhất đối với doanh nghiệp trong quá trình tận dụng FTA.

Bên cạnh đó, mức độ đối thoại và tiếp thu ý kiến doanh nghiệp cũng được cải thiện rõ rệt. Có 35,4% doanh nghiệp cho biết cơ quan quản lý địa phương phản hồi góp ý của doanh nghiệp ở mức thường xuyên hoặc rất thường xuyên, tăng 33,8% so với năm 2024; tỷ lệ doanh nghiệp không tham gia góp ý giảm còn 11,2%, giảm 15,3% so với năm 2024.

Về xếp hạng chỉ số thành phần thực hiện quy định pháp luật để thực thi FTA (xem Biểu đồ 2, Phụ lục 1), **Hải Phòng tiếp tục là địa phương dẫn đầu với 9,41 điểm**. Nhóm địa phương dẫn đầu tiếp theo gồm Tuyên Quang, Vĩnh Long, Thanh Hóa, Lai Châu và Thái Nguyên. Các địa phương ngoài nhóm dẫn đầu nhưng đạt điểm từ 6 trở lên gồm Cà Mau, Nghệ An, Đà Nẵng, Cần Thơ và Điện Biên. Địa phương có điểm thấp nhất là Quảng Trị với 2,54 điểm.

3. Về hỗ trợ và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp

So với năm 2024, các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA có xu hướng tập trung hơn vào các hoạt động hỗ trợ trực tiếp, gắn với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp.

Hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu trực tiếp là nội dung được doanh nghiệp quan tâm nhiều nhất, với 62,1% doanh nghiệp lựa chọn, tăng 10,7 điểm phần trăm so với năm 2024. Tiếp theo là đào tạo về xuất xứ và thủ tục FTA, được 58,8% doanh nghiệp đánh giá là cần thiết, tăng 3,2 điểm phần trăm. Kết quả này cho thấy nhu cầu của doanh nghiệp đang chuyển từ “biết về FTA” sang “tận dụng FTA” một cách thực chất hơn.

Đối với xúc tiến thương mại, tỷ lệ doanh nghiệp tham gia ở mức “rất thường xuyên” đạt 4,0%, tăng 1,6 điểm phần trăm so với năm 2024. Trong lĩnh vực chuyển đổi số, 32,6% doanh nghiệp cho biết đã có kiến thức và sự chuẩn bị hoặc có khả năng triển khai; 67,25% doanh nghiệp có ít nhất hiểu biết căn bản về chuyển đổi số.

Về xếp hạng chỉ số thành phần hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh (xem Biểu đồ 3, Phụ lục 1), **Lai Châu là địa phương đạt điểm cao nhất với 7,59 điểm**. Nhóm địa phương dẫn đầu tiếp theo gồm Thanh Hóa, Tuyên Quang, Cao Bằng,

Nghệ An, Hải Phòng và Hà Nội. Các địa phương ngoài nhóm dẫn đầu nhưng đạt điểm từ 6 trở lên gồm Đắk Lắk, Vĩnh Long, Điện Biên, Cà Mau và Gia Lai. Địa phương có điểm thấp nhất là Sơn La với 2,28 điểm.

4. Về phát triển bền vững

Chỉ số thành phần về phát triển bền vững đánh giá mức độ khác biệt giữa các tỉnh, thành về mức độ sẵn sàng và việc tiếp cận của các doanh nghiệp đối với các biện pháp hỗ trợ trong việc thực thi các cam kết về phát triển bền vững. Chỉ số thành phần này bao gồm 6 chỉ tiêu (chi tiết được nêu tại Phụ lục 2 kèm theo). Điểm số Chỉ số thành phần về phát triển bền vững của các tỉnh, thành phố được xây dựng bằng cách tính điểm trung bình của các chỉ tiêu sau khi đã được chuẩn hóa theo thang điểm 10.

So sánh với năm 2024, hiệu quả của các chương trình hỗ trợ tuân thủ các cam kết phát triển bền vững đã ghi nhận được những kết quả tích cực, cho thấy việc giúp các doanh nghiệp tuân thủ các cam kết mới này đã có những cải thiện. Cụ thể, Trong lĩnh vực lao động, tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá mức độ “rất hiệu quả” đến hoạt động của mình là 10,3%, tăng 0,8% so với năm 2024 trong khi đó 52,3% đánh giá ở mức “hiệu quả”, tăng 16,2% so với năm 2024. Trong lĩnh vực môi trường, tỷ lệ này tương ứng là 10,2% và 53,1%, tăng 0,1% và 16,3% so với năm 2024.

Về xếp hạng các tỉnh, thành phố về chỉ số phát triển bền vững (xem Biểu đồ 4, Phụ lục 1), theo đó, ***Cà Mau là tỉnh có điểm số cao nhất với 9,29 điểm***, tiếp theo trong Top 5 là các tỉnh, thành phố Hải Phòng, Vĩnh Long, Thanh Hoá, Lai Châu, Tuyên Quang, Thái Nguyên. Các tỉnh, thành phố nằm ngoài Top 10 nhưng có điểm số từ 6 trở lên là Đồng Nai, An Giang, Cần Thơ, Nghệ An, Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đồng Tháp, Điện Biên, Đắk Lắk, Khánh Hoà, Hưng Yên, Đà Nẵng, Lâm Đồng. Tỉnh có điểm thấp nhất là Ninh Bình với 2,73 điểm.

IV. NHẬN ĐỊNH, ĐÁNH GIÁ

1. Vì sao có tỉnh, thành kim ngạch xuất khẩu cao nhưng xếp hạng chưa cao

Do FTA Index được xây dựng trên cơ sở đánh giá của doanh nghiệp về chất lượng thực thi FTA của chính quyền địa phương (thể hiện qua các câu phân được nêu trong Kế hoạch thực thi FTA của các địa phương gồm: (1) Tuyên truyền phổ biến; (2) Hướng dẫn thực thi văn bản pháp luật; (3) Hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh và (4) Thúc đẩy phát triển bền vững). Do đó, một địa phương có kim ngạch xuất khẩu lớn nhưng nếu các hoạt động về tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn thực thi văn bản pháp luật, hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA hay thúc đẩy phát triển bền vững chưa đáp ứng được kỳ vọng của doanh nghiệp vẫn có thể có thứ hạng thấp hơn các địa phương có quy mô xuất khẩu nhỏ hơn nhưng triển khai hiệu quả hơn các hoạt động hỗ trợ liên quan đến FTA. Thêm vào đó, một trong những mục tiêu của FTA Index là tạo động lực để các tỉnh, thành quan tâm hơn nữa đến việc hỗ trợ cho các doanh nghiệp Việt Nam, thay vì chỉ tập trung cho các doanh nghiệp FDI, từ đó sẽ có kết quả tích cực đến xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam, tăng

dân tỷ trọng doanh nghiệp Việt Nam trong tổng xuất khẩu của Việt Nam thay vì như hiện nay đang quá phụ thuộc vào các doanh nghiệp FDI.

2. Khác biệt giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp Việt Nam

Kết quả FTA Index 2025 cho thấy có sự khác biệt khá rõ giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp Việt Nam trong tiếp cận, hiểu biết và tận dụng FTA. Doanh nghiệp FDI có tỷ lệ “biết rất rõ” về FTA cao nhất, đạt 8,4%, cao hơn doanh nghiệp nhà nước (4,8%) và doanh nghiệp ngoài nhà nước (5,1%). Ở các nội dung pháp luật quan trọng để thực thi FTA, doanh nghiệp FDI nhìn chung có mức độ hiểu rõ cao hơn, chẳng hạn đối với quy tắc xuất xứ, tỷ lệ doanh nghiệp FDI hiểu rõ đạt 25,25%, cao hơn doanh nghiệp nhà nước (21,25%) và doanh nghiệp ngoài nhà nước (22,64%). Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy ở các lĩnh vực phức tạp hơn như SPS, TBT, sở hữu trí tuệ, lao động và các quy định khác được nội luật hóa, tỷ lệ doanh nghiệp “chưa hiểu rõ” hoặc “không biết” vẫn còn đáng kể ở cả ba nhóm doanh nghiệp, phản ánh khoảng cách giữa việc biết đến quy định và khả năng vận dụng thực tế.

Về mức độ tận dụng FTA, doanh nghiệp FDI thể hiện khả năng khai thác các cam kết FTA tương đối rõ hơn, với tỷ lệ tự đánh giá tận dụng ở mức “hiệu quả” phổ biến khoảng 34–40% và “rất hiệu quả” khoảng 9–16%. Trong khi đó, doanh nghiệp ngoài nhà nước chủ yếu đánh giá mức độ tận dụng ở mức “bình thường” khoảng 40–48%, tỷ lệ “hiệu quả” chỉ khoảng 22–36% và “rất hiệu quả” nhìn chung dưới 14%, cho thấy việc tận dụng FTA của khu vực doanh nghiệp trong nước vẫn còn ở mức cơ bản. Đối với phát triển bền vững, doanh nghiệp FDI cũng có mức độ chuẩn bị tốt hơn, với tỷ lệ đã tuân thủ các cam kết lao động và môi trường lần lượt đạt 32,9% và 33,9%, cao hơn doanh nghiệp tư nhân trong nước khoảng 21–22% và doanh nghiệp nhà nước khoảng 19–23%. Đồng thời, doanh nghiệp FDI là nhóm đánh giá hiệu quả hỗ trợ từ cơ quan quản lý địa phương cao nhất, với tỷ lệ đánh giá hỗ trợ từ mức “hiệu quả” trở lên đạt 70,6% đối với lao động và 70,7% đối với môi trường. Những kết quả này cho thấy thách thức trọng tâm trong thời gian tới là thu hẹp khoảng cách về năng lực tiếp cận thông tin, hiểu biết pháp luật, tận dụng FTA và đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp Việt Nam.

3. Khác biệt giữa FTA Index với các chỉ số như PCI, Par Index

FTA Index là Bộ chỉ số chuyên biệt về hội nhập kinh tế quốc tế, có phạm vi, mục tiêu và phương pháp đánh giá khác biệt so với các bộ chỉ số đang được triển khai hiện nay như PCI hay PAR Index.

Đối với PAR Index, đây là bộ chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính của các cơ quan nhà nước, tập trung vào các nội dung như cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, hiện đại hóa nền hành chính và chất lượng cung ứng dịch vụ công. Do đó, PAR Index phản ánh mức độ cải cách và hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước nói chung. Đối với PCI, đây là bộ chỉ số đánh giá chất lượng điều hành kinh tế và môi trường đầu tư kinh doanh của chính quyền địa phương, tập trung vào các nội

dung như chi phí gia nhập thị trường, tính minh bạch, chi phí thời gian, chi phí không chính thức, cạnh tranh bình đẳng, đào tạo lao động và hỗ trợ doanh nghiệp.

Trong khi đó, FTA Index tập trung đánh giá một lĩnh vực rất chuyên biệt là hiệu quả thực thi các Hiệp định thương mại tự do (FTA) tại địa phương và mức độ hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Bộ chỉ số đánh giá các nội dung đặc thù như công tác tuyên truyền và phổ biến FTA; việc xây dựng và thực thi các văn bản pháp luật liên quan đến FTA; các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng ưu đãi thuế quan, quy tắc xuất xứ, tiếp cận thị trường; cũng như việc hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu mới về phát triển bền vững, chuyển đổi xanh và chuỗi cung ứng bền vững.

Do phạm vi đánh giá khác nhau, kết quả FTA Index có thể không hoàn toàn tương đồng với kết quả PCI hoặc PAR Index. Một địa phương có kết quả cao về PCI hoặc PAR Index chưa chắc đã đạt kết quả tương ứng về FTA Index nếu các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA chưa thực sự hiệu quả. Ngược lại, một địa phương có thể không nằm trong nhóm dẫn đầu về PCI hoặc PAR Index nhưng vẫn đạt kết quả tốt về FTA Index nếu có sự quan tâm và đầu tư phù hợp cho công tác thực thi FTA và hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập quốc tế.

Vì vậy, FTA Index không thay thế mà bổ sung cho PCI và PAR Index, tạo thành công cụ đánh giá chuyên sâu về một lĩnh vực mới là thực thi hội nhập kinh tế quốc tế ở cấp địa phương, qua đó giúp Chính phủ và các địa phương có thêm cơ sở để hoàn thiện chính sách và nâng cao hiệu quả tận dụng các FTA của Việt Nam.

4. Những hạn chế, tồn tại trong triển khai FTA index

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai FTA Index hiện nay vẫn còn một số hạn chế nhất định.

Thứ nhất, do nguồn lực và kinh phí triển khai còn hạn chế, quy mô khảo sát mới tập trung vào khoảng hơn 4.000 doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu, chưa phản ánh đầy đủ quan điểm của toàn bộ cộng đồng doanh nghiệp trên cả nước.

Thứ hai, đối tượng khảo sát hiện nay chủ yếu là doanh nghiệp có phát sinh hoạt động xuất nhập khẩu trực tiếp, trong khi chưa bao quát đầy đủ các chủ thể khác có vai trò quan trọng trong việc thực thi và tận dụng FTA như các công ty cung cấp dịch vụ hỗ trợ xuất nhập khẩu, cung cấp nguyên liệu, đầu vào cho xuất nhập khẩu, hiệp hội ngành hàng, công ty logistics...

Thứ ba, kết quả FTA Index hiện được xây dựng chủ yếu trên cơ sở đánh giá và cảm nhận của doanh nghiệp đối với chất lượng thực thi FTA tại địa phương. Mặc dù đây là nguồn thông tin quan trọng phản ánh trực tiếp trải nghiệm của doanh nghiệp, song vẫn cần tiếp tục nghiên cứu để kết hợp hài hòa hơn với các dữ liệu định lượng nhằm nâng cao tính toàn diện của bộ chỉ số.

Thứ tư, mức độ quan tâm và phối hợp của các địa phương đối với việc triển khai FTA Index chưa thực sự đồng đều. Một số địa phương đã chủ động sử dụng kết quả FTA Index như một công cụ phục vụ công tác điều hành và hỗ trợ doanh

nghiệp, trong khi một số địa phương khác vẫn chưa dành sự quan tâm tương xứng cho việc cải thiện chất lượng thực thi FTA.

Tuy nhiên, mặc dù còn những hạn chế nêu trên, FTA Index đã bước đầu hình thành được một công cụ đánh giá chuyên biệt về thực thi FTA ở cấp địa phương, cung cấp cơ sở dữ liệu quan trọng phục vụ công tác hoạch định chính sách và thúc đẩy các địa phương nâng cao hiệu quả tận dụng các FTA trong thời gian tới.

V. ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI THỜI GIAN TỚI

Trên cơ sở kết quả triển khai FTA Index trong hai năm đầu tiên, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan để hoàn thiện và nâng cao chất lượng Bộ chỉ số FTA Index theo hướng ngày càng phản ánh đầy đủ, khách quan và toàn diện hơn hiệu quả thực thi các Hiệp định thương mại tự do tại địa phương. Trong thời gian tới, cần tập trung vào một số định hướng lớn sau:

Một là, tiếp tục duy trì việc triển khai FTA Index thường niên trên phạm vi toàn quốc nhằm theo dõi, đánh giá thường xuyên chất lượng thực thi FTA tại các địa phương, qua đó tạo động lực thúc đẩy cải cách và nâng cao hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các FTA.

Hai là, tiếp tục hoàn thiện phương pháp luận và nâng cao chất lượng khảo sát theo hướng mở rộng quy mô mẫu điều tra, bảo đảm tính đại diện cao hơn đối với cộng đồng doanh nghiệp; đồng thời nghiên cứu kết hợp hài hòa giữa dữ liệu khảo sát doanh nghiệp với các dữ liệu định lượng liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu, đầu tư, tận dụng ưu đãi FTA và phát triển bền vững.

Ba là, mở rộng phạm vi đánh giá đối với các công ty cung cấp dịch vụ hỗ trợ xuất nhập khẩu, cung cấp nguyên liệu, đầu vào cho xuất nhập khẩu, hiệp hội ngành hàng, công ty logistics...nhằm phản ánh đầy đủ hơn thực trạng triển khai FTA tại địa phương.

Bốn là, tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quá trình khảo sát, xử lý dữ liệu và công bố kết quả; từng bước hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về thực thi và tận dụng FTA, phục vụ công tác hoạch định chính sách của Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương.

Năm là, đẩy mạnh việc sử dụng kết quả FTA Index như một công cụ quản trị và điều hành chính sách ở cấp trung ương và địa phương; khuyến khích các địa phương nghiên cứu, xây dựng và triển khai các chương trình hành động nhằm cải thiện các chỉ số thành phần còn hạn chế, nâng cao hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các cơ hội từ hội nhập kinh tế quốc tế.

Sáu là, tăng cường kết nối FTA Index với các chương trình, đề án lớn của Chính phủ và các Bộ, ngành về hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển xuất khẩu và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; qua đó hình thành hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA một cách đồng bộ, hiệu quả và bền vững.

Thông qua việc tiếp tục hoàn thiện và phát triển FTA Index, từng bước xây dựng FTA Index trở thành công cụ đánh giá uy tín, khách quan và có giá trị tham chiếu cao trong công tác theo dõi, đánh giá hiệu quả thực thi các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và tận dụng hiệu quả các cơ hội từ mạng lưới FTA mà Việt Nam tham gia.

VI. KIẾN NGHỊ

Căn cứ kết quả đã báo cáo ở trên cũng như đánh giá những kết quả tích cực, vấn đề tồn tại, các khó khăn và thuận lợi trong việc xây dựng FTA Index của các tỉnh, thành năm 2025. Bộ Công Thương xin kiến nghị như sau:

1. Kịch bản tổ chức công bố FTA Index 2025

Năm 2025, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã đồng ý công bố toàn bộ 5 chỉ số xếp hạng các tỉnh, thành phố, đồng thời chỉ đạo tặng bằng khen cho 5 tỉnh, thành phố tiêu biểu (có kết quả đạt thành tích trong việc đánh giá thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA Index) năm 2024) cũng như đồng ý tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương cho các địa phương đạt kết quả thuộc nhóm “Tốt” và “Khá”, đồng thời chỉ đạo tổ chức Lễ công bố FTA Index 2024 tại Văn phòng Chính phủ theo nguyên tắc bảo đảm trang trọng hiệu quả, thành công.

Căn cứ kết quả tổ chức Lễ công bố FTA Index 2024 và kết quả điều tra FTA Index 2025, Bộ Công Thương kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương tổ chức Lễ công bố kết quả FTA Index 2025 như sau:

- (1) Công bố toàn bộ 05 chỉ số xếp hạng các tỉnh, thành phố;
- (2) Trao Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 02 địa phương đạt kết quả xếp hạng Chỉ số FTA Index năm 2025 cao nhất (trong nhóm “Rất tốt” và “Tốt”); và 03 địa phương có kim ngạch xuất khẩu cao nhất và có kim ngạch xuất khẩu của khối doanh nghiệp trong nước cao nhất trong năm 2025 và đạt kết quả xếp hạng Chỉ số FTA Index năm 2025 từ nhóm “Khá” trở lên.
- (3) Trao Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương cho các địa phương được thuộc Nhóm “Tốt” và “Khá” và 04 địa phương đạt kết quả cao nhất đối với từng Chỉ số thành phần, bao gồm: (i) Chỉ số thành phần về hoạt động tuyên truyền, phổ biến; (ii) Chỉ số thành phần về thực hiện quy định pháp luật để thực thi FTA; (iii) Chỉ số thành phần về chương trình và chính sách hỗ trợ và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; và (iv) Chỉ số thành phần về phát triển bền vững.
- (4) Lựa chọn 10 doanh nghiệp tiêu biểu có thành tích xuất sắc trong quá trình tận dụng các FTA của Việt Nam trong năm 2025 để vinh danh và trao bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương tại Lễ công bố kết quả FTA Index năm 2025.

2. Kiến nghị cụ thể

Trên cơ sở tình hình và kết quả thực hiện FTA Index năm 2025 nêu trên, nhằm mục tiêu nâng cao khả năng tận dụng và thực thi FTA trong những năm tiếp theo, Bộ Công Thương kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ:

1. Phê duyệt và cho phép công bố kết quả Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA Index) năm 2025 như đã nêu ở trên.

2. Giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan tổ chức Lễ công bố kết quả Đề án xây dựng Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA Index) của các địa phương năm 2025 tại Văn phòng Chính phủ sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, dự kiến vào cuối tháng 7 năm 2026.

3. Tham dự và có bài phát biểu tại Lễ Công bố kết quả Đề án xây dựng bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA Index) của các địa phương năm 2025. Trong trường hợp Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, kiến nghị giao Bộ Công Thương phối hợp với Văn phòng Chính phủ dự thảo bài phát biểu của Thủ tướng Chính phủ.

4. Giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam cũng như các cơ quan truyền thông, báo chí triển khai hoạt động tuyên truyền về FTA Index 2025.

5. Giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và cơ quan liên quan lựa chọn 10 doanh nghiệp tiêu biểu có thành tích xuất sắc trong quá trình tận dụng các FTA của Việt Nam trong năm 2025 để vinh danh và trao bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương tại Lễ công bố kết quả FTA Index năm 2025.

6. Giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan nghiên cứu mở rộng triển khai đánh giá FTA Index đối với các Hiệp hội ngành hàng có liên quan, bắt đầu từ năm 2026.

7. Giao Bộ Công Thương tiếp tục chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu giải pháp, hoàn thiện cơ chế, chính sách, cách thức hỗ trợ, nâng cao hiệu quả tổ chức thực thi các FTA trong thời gian tới cho cộng đồng doanh nghiệp (bao gồm cả việc hoàn thiện tiêu chí đánh giá và nghiên cứu, xem xét đưa chỉ số FTA Index là một trong những tiêu chí quan trọng trong việc quản lý, điều hành công việc tại địa phương...); và nâng cao kết quả, đánh giá FTA Index của các địa phương trong những năm tiếp theo.

Bộ Công Thương kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và cho ý kiến chỉ đạo./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Gia Túc (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KHCHN, NNMT, TC, TP, NG, CA, QP, XD, VHNTDL, NV, NHNN, TTCP (để p/h);
- Các Đơn vị: VPB, XNK, PVTM, CTQG, XTMT, TMĐT, KHCH, TTNN, ĐCK, PC, TTTN, Trung tâm TTCNTM (để p/h);
- Lưu: VT, ĐB (2).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân